

Bản án số: **142/2024/HS-PT**

Ngày 26/7/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Vĩnh Chuyển**

Các Thẩm phán:

Ông **Bùi Trọng Danh**

Ông **Trần Minh Long**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Na** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Mỹ Bình** - Kiểm sát viên.

Ngày 26/7/2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 125/2024/TLHS-PT ngày 20 tháng 6 năm 2024 đối với bị cáo Nguyễn Lữ Lâm U do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 69/2024/HS-ST ngày 10/5/2024 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Lữ Lâm U; sinh ngày: 01/11/1995 tại Đà Nẵng; Nơi cư trú: K536/H09/09 Điện Biên Phủ, phường Thanh Khê Đông, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; con ông Nguyễn Sơn Đ và bà Trương Thị T (đều còn sống). Có chồng là ông Hà Xuân L và 03con sinh năm 2019, 2021, 2022. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có nghề nghiệp và cần tiền chi phí cuộc sống, từ ngày 02/5/2017 đến ngày 09/8/2017, bị cáo Nguyễn Lữ Lâm U đã nhiều lần dùng thủ đoạn gian dối, chiếm đoạt tài sản của bà Nguyễn Trần Thảo Ng và bà Đinh Huỳnh Ái N, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng tháng 3/2017, bị cáo làm quen và trò chuyện với bà Trần Nguyễn Thảo Ng. Biết gia đình Ng có điều kiện kinh tế nên bị cáo đưa ra thông tin gian dối là rủ Ng đi du lịch và làm đẹp tại các nước Malaysia, Thái Lan, Maldives và Dubai. Bị cáo nói Ng chỉ việc giao tiền cho bị cáo, còn mọi thủ tục về visa, vé máy bay, đặt phòng khách sạn...của chuyến đi thì bị cáo đảm nhận. Ng tin tưởng nên đã giao tiền cho bị cáo 18 (*mười tám*) lần, với tổng số tiền là: 347.264.000 đồng (*Ba trăm bốn mươi bảy triệu hai trăm sáu mươi bốn ngàn đồng*). Sau khi nhận tiền từ Ng, bị cáo sử dụng số tiền trên để tiêu xài cá nhân hết, không làm thủ tục để đi du lịch và né tránh không gặp mặt Ng, cụ thể các lần nhận tiền như sau:

- *Lần 01:* Ngày 02/5/2017, Ng giao cho U 13.510.000 đồng (*Mười ba triệu năm trăm mười ngàn đồng*) tại quán trà sữa Gongcha, để ứng một phần tiền ăn khi đi du lịch.

- *Lần 02:* Ngày 08/5/2017, Ng giao cho U 17.000.000 đồng (*Mười bảy triệu đồng*) tại nhà nghỉ Vũ Huy tại số 324 Ngô Quyền, phường An Hải Bắc, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng, để mua bảo hiểm du lịch.

- *Lần 03:* Ngày 15/5/2017, U yêu cầu Ng chuyển vào tài khoản 040056291999 của bà Bùi Thị Tường V mở tại ngân hàng Sacombank 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) với nội dung: “*Bé Na cọc tiền phòng*”, để cọc một phần tiền phòng khi đi du lịch. Sau đó, U nói với Vi là chuyển nhầm tài khoản và yêu cầu V trả lại cho U.

- *Lần 04:* Ngày 16/5/2017, U mua thuốc giảm cân của bà Nguyễn Thị Quỳnh Tr với giá 1.900.000 đồng (*Một triệu chín trăm ngàn đồng*). Sau đó, U nói dối với Ng: “*Trang là người nhận tiền cọc để làm đẹp da mặt*” và yêu cầu Ng chuyển cọc trước 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*) cho Trang. Ng tin thật nên chuyển vào tài khoản 0108469609 của Nguyễn Thị Quỳnh Tr mở tại ngân hàng Đông Á 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) với nội dung: “*Đặt cọc 40% tiền làm mặt*”. Ngày 17/5/2017, U nhắn tin cho Tr nói đã chuyển vào tài khoản của Tr 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) và yêu cầu Tr mang thuốc và trả lại số tiền còn dư cho U. Trang nhờ bà Đặng Thị H (*mẹ của Tr*) mang thuốc giảm cân và tiền thừa 8.100.000 đồng (*Tám triệu một trăm ngàn đồng*) đến 324 Ngô Quyền giao cho U.

- *Lần 05:* Ngày 17/5/2017, U yêu cầu Ng tiếp tục chuyển vào tài khoản của bà Nguyễn Thị Quỳnh Tr 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*) với nội dung: “*Serum và cọc làm mặt*”. U nhắn tin cho Tr nói chuyển nhầm vào tài khoản của Trang, U muốn mua thêm 600.000 đồng (*sáu trăm ngàn đồng*) tiền thuốc giảm cân, nên nhờ Tr mang thuốc và tiền dư đến cho U. Sau đó, Tr nhờ bà H mang thuốc giảm cân và 9.400.000 đồng (*Chín triệu bốn trăm ngàn đồng*) đến 324 Ngô Quyền giao cho U.

- *Lần 06*: Ngày 18/5/2017, U nhắn tin cho bà Lê Thị Mỹ Nh do trước đây có mua nước hoa của bà Nhân, xin số tài khoản của bà Nhân để nhận tiền giúp cho U. Nh nhắn tin cho chồng là Phạm Minh H để lấy số tài khoản. Sau đó, U yêu cầu Ng chuyển vào tài khoản số 0102351290 của Phạm Minh Huy mở tại ngân hàng Đông Á 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) với nội dung: “*Na (lamuyen) tiền cọc làm mặt*”, nhưng do thiếu tiền nên Ng chỉ chuyển được 9.999.000 đồng (*Chín triệu chín trăm chín mươi chín ngàn đồng*). Khoảng 20h00 cùng ngày, U đến nhà vợ chồng H tại 1011 Nguyễn Tất Thành để lấy số tiền trên.

- *Lần 07*: Ngày 20/5/2017, Ng giao cho U 8.900.000 đồng (*Tám triệu chín trăm ngàn đồng*) tại 324 Ngô Quyền, thành phố Đà Nẵng, để nộp phí Visa đi du lịch.

- *Lần 08*: Ngày 23/5/2017, Ng giao cho U 11.000.000 đồng (*Mười một triệu đồng*) tại 324 Ngô Quyền, thành phố Đà Nẵng, tiền phí tham quan khi đi du lịch.

- *Lần 09*: Sau khi giao tiền lần 08 (*tám*) xong, U nhắn tin nhờ bà Thạch Truyền Th có mối quan hệ do mua ốp điện thoại trước đây, cho số tài khoản để nhận tiền giúp. Bà Th đồng ý. U yêu cầu Ng chuyển vào tài khoản 0101778086 của Thạch Truyền Th mở tại ngân hàng Đông Á 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) với nội dung: “*Be uyen ck*”, để mua vật dụng dùng chung khi đi du lịch. Sau đó, U nhờ Th chuyển số tiền trên vào tài khoản số 00710007240 của Nguyễn Thị Hải V mở tại ngân hàng Vietcombank với nội dung “*fb lam uyen*” để trả tiền quần áo.

- *Lần 10*: Ngày 24/5/2017, U yêu cầu Ng tiếp tục chuyển vào tài khoản của Thạch Truyền Th 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*) với nội dung: “*Lam uyen ck*”, để mua vật dụng dùng chung khi đi du lịch. Sau đó, U yêu cầu Th chuyển số tiền này đến tài khoản 0041000137180 của Nguyễn Hoàng Nhật A mở tại ngân hàng Vietcombank với nội dung “*lam uyen ck*”, để trả tiền mua kính mát cho A.

- *Lần 11*: Ngày 24/5/2017, U yêu cầu Ng đưa số tiền 895 USD để nộp cho Cục quản lý xuất nhập cảnh để làm thủ tục Visa đi du lịch. Do không có ngoại tệ nên Ng quy đổi thành tiền Việt Nam và mang 21.000.000 đồng (*Hai mươi một triệu đồng*) giao cho U tại tiệm tóc Quốc Anh số 53 Lê Duẩn, phường Hải Châu I, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- *Lần 12*: Ngày 25/5/2017, U yêu cầu Ng chuyển vào tài khoản của bà Th 800.000 đồng (*Tám trăm ngàn đồng*), để mua vật dụng chung. Sau đó, U sử dụng số tiền trên để mua ốp điện thoại của bà Th.

- *Lần 13*: Ngày 28/5/2017, U yêu cầu Ng chuyển vào tài khoản trên của Thạch Truyền Th 1.300.000 đồng (*Một triệu ba trăm ngàn đồng*) để mua vật dụng chung với nội dung “*lam uyen ck*”. Sau đó, U nhờ Th chuyển số tiền trên đến tài khoản 0041000270936 của bà Nguyễn Thị Hồng V mở tại ngân hàng Vietcombank để trả tiền quần áo cho chị V.

- *Lần 14*: Ngày 31/5/2017, Ng giao cho U 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*) tại 324 Ngô Quyền, thành phố Đà Nẵng, để mua Serum dưỡng da sau khi làm da mặt tại Thái Lan.

- *Lần 15*: Ngày 02/6/2017, Ng giao cho U 7.755.000 đồng (*Bảy triệu, bảy trăm năm mươi lăm ngàn đồng*) tại số 324 Ngô Quyền, thành phố Đà Nẵng, để bù tiền vé tuyến Sài Gòn - Đà Nẵng sau khi đi du lịch về.

- *Lần 16*: Ngày 05/6/2017, Ng giao cho U số tiền 45.000.000 đồng (*Bốn mươi lăm triệu đồng*) tại 324 Ngô Quyền, để mua vé máy bay đi du lịch.

Sau đó, U nói với Ng, muốn đi du lịch phải nộp số tiền 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*) để chứng minh tài chính, U đã có căn nhà tại khu Phúc Lộc Viên trên đường Ngô Quyền nên không cần chứng minh tài chính và do U quen biết với công ty du lịch, nên xin cho Ng chỉ phải nộp số tiền 180.000.000 đồng (*Một trăm tám mươi triệu đồng*), sau khi đi du lịch về công ty du lịch sẽ trả lại số tiền trên.

- *Lần 17*: Ngày 07/6/2017, Ng giao cho U số tiền 70.000.000 đồng (*Bảy mươi triệu đồng*) tại số 324 Ngô Quyền, thành phố Đà Nẵng, để chứng minh tài chính đi du lịch.

- *Lần 18*: Ngày 13/6/2017, Ng giao cho U số tiền 110.000.000 đồng (*Một trăm mười triệu đồng*) tại số 324 Ngô Quyền, thành phố Đà Nẵng để chứng minh tài chính đi du lịch.

Vụ thứ hai: Vào tháng 6/2017, qua trò chuyện bị cáo biết bà Đinh Huỳnh Ái N là bạn học cũ có thai và đang cần mua vật dụng cho em bé. U đưa ra thông tin gian dối là có người thân ở Mỹ và gợi ý mua giúp cho Nhi các vật dụng dành cho mẹ và bé như: máy hút sữa, máy hâm, máy tiệt trùng, thuốc bổ cho mẹ và bé, đồ dùng cho trẻ sơ sinh... Nh tin thật nên đã đưa cho U 09 (*chín*) lần với tổng số tiền 77.000.000 đồng (*Bảy mươi bảy triệu đồng*), cụ thể:

- *Lần 01*: Ngày 05/7/2017, Nh giao cho U số tiền 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) tại cửa hàng Ly House, số 243 Trần Phú, phường Phước Ninh, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- *Lần 02*: Ngày 06/7/2017, Nh giao cho U số tiền 12.000.000 đồng (*Mười hai triệu đồng*) tại tiệm Spa số 283 Nguyễn Chí Thanh, phường Phước Ninh, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- *Lần 03*: Ngày 10/7/2017, Nh giao cho U số tiền 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) tại 243 Trần Phú, phường Phước Ninh, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- *Lần 04*: Ngày 19/7/2017, Nh giao cho U số tiền 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*) tại quán cà phê Highland Bạch Đằng, phường Hải Châu I, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- *Lần 05*: Ngày 23/7/2017, Nh giao cho U số tiền 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*) tại Vincom Đà Nẵng, phường An Hải Bắc, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

- *Lần 06*: Ngày 31/7/2017, U mượn số tài khoản và nhờ bà Nguyễn Đỗ Thị Thành T là bạn bè quen biết ngoài xã hội, nhận giúp tiền của người khác trả nợ. Bà T đồng ý. Sau đó, U yêu cầu Nh chuyển vào tài khoản số 0041000153998 của bà T

mở tại ngân hàng Vietcombank số tiền 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*). Bà T đã rút số tiền trên đưa lại cho U.

- *Lần 07*: Ngày 05/8/2017, do nợ tiền của bà Trần Thị Hoàng L, nên U yêu cầu bà Nh chuyển vào số tài khoản 0041000229296 của Trần Thị Hoàng L mở tại ngân hàng Vietcombank 4.000.000 đồng (*Bốn triệu đồng*) để trả nợ.

- *Lần 08*: Ngày 07/8/2017, U đến nhà Nh tại K135/03 Nguyễn Du, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng lấy số tiền 4.000.000 đồng (*Bốn triệu đồng*).

- *Lần 09*: Ngày 09/8/2017, U nói dối là đang cần tiền chuyển qua Mỹ mua thêm các vật dụng cho mẹ và bé để về bán lại kiếm lời, Nhi tin thật nên đồng ý và cho U mượn 25.000.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu đồng*) Đến tối cùng ngày, khi Nh nghe nhiều người nói U lừa đảo chiếm đoạt tiền của người khác nên đi tìm gặp U để đòi lại số tiền đã đưa cho U. U đã trả lại cho Nhi 5.600.000 đồng (*Năm triệu sáu trăm ngàn đồng*).

Vật chứng tạm giữ: Sao kê tài khoản số 0109982873 của Trần Nguyễn Thảo Ng mở tại Ngân hàng Đông Á; Sao kê tài khoản số 0041000136429 của Thạch Truyền Th mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam.

- 01(*một*) tập tài liệu gồm 29 (*hai chín*) trang chứa nội dung tin nhắn giữa Trần Nguyễn Thảo Ng và Nguyễn Lữ Lâm U về việc U đã nhận tiền từ Ng để đưa Ng đi du lịch và làm đẹp tại nước ngoài, do Ng giao nộp.

- 01(*một*) tập tài liệu gồm 14 (*mười bốn*) trang chứa nội dung tin nhắn giữa Đinh Huỳnh Ái Nh và Nguyễn Lữ Lâm U về việc U đã nhận tiền của Nhi để mua vật dụng cho mẹ và bé giúp Nh.

- 01(*một*) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 plus, màu xám, số imei: 354386068017818, đã qua sử dụng, do U giao nộp.

- 01(*một*) bộ hồ sơ khám bệnh của Nguyễn Lữ Lâm U, gồm 12 trang (bản photocopy).

Theo Kết luận Giám định pháp y tâm thần theo trung cầu số: 933/KLGD ngày 25/7/2023 của Trung tâm Pháp y Tâm thần khu vực Miền Trung đối với bị cáo Nguyễn Lữ Lâm U, xác định:

- *Trước thời điểm gây án*:

+ *Về y học*: Sức khỏe tâm thần bình thường.

+ *Về khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi*: Đủ khả năng nhận thức và đủ khả năng điều khiển hành vi.

- *Tại thời điểm gây án*:

+ *Về y học*: Sức khỏe tâm thần bình thường.

+ *Về khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi*: Đủ khả năng nhận thức và đủ khả năng điều khiển hành vi.

- Sau thời điểm gây án: *(từ tháng 9/2017 đến tháng 02/2018)*:

+ *Về y học*: Rối loạn sự thích ứng với phản ứng hỗn hợp lo âu trầm cảm (F43.22).

+ *Về khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi*: Hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi.

- *Thời điểm hiện tại*:

+ *Về y học*: Sức khỏe tâm thần bình thường.

+ *Về khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi*: Đủ khả năng nhận thức và đủ khả năng điều khiển hành vi.

Với nội dung trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 69/2024/HS-ST ngày 10/5/2024 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

- *Về tội danh*: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Lữ Lâm U phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

- *Về hình phạt*: Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 139 của bộ luật Hình sự năm 1999; điểm b, g khoản 1 Điều 52; điểm b, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015;

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Lữ Lâm U 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Trong hạn luật định, ngày 22/5/2024, bị cáo Nguyễn Lữ Lâm U có đơn kháng cáo với nội dung: Xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Nguyễn Lữ Lâm U, giữ nguyên nội dung kháng cáo, đồng thời thừa nhận hành vi phạm tội như Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” là đúng pháp luật, không oan. Bị cáo xin HĐXX xem xét cho hoàn cảnh gia đình, đang nuôi con còn nhỏ để giảm nhẹ hình phạt và cho được hưởng án treo, cải tạo tại địa để làm ăn nuôi các con còn nhỏ.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa có quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Lữ Lâm U là đảm bảo hợp lệ.

Về nội dung: Xét Bản án hình sự sơ thẩm số: 69/2024/HS-ST ngày 10/5/2024 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đã xét xử bị cáo về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” với tình tiết định khung theo điểm a khoản 3 Điều 139 BLHS năm 1999 là có căn cứ, đúng pháp luật. Xét khi quyết định hình

phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá đúng tính chất vụ án, hành vi phạm tội và hậu quả do bị cáo gây ra, đồng thời cũng đã xem xét về nhân thân bị cáo, trên cơ sở đó đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng đã xử phạt bị cáo U 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù là dưới mức khởi điểm của khung hình phạt truy tố là phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 BLTTHS đề nghị Hội đồng xét không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa cấp phúc thẩm, bị cáo U thừa nhận do không có tiền chi tiêu cho mục đích cá nhân, nên bị cáo đã tự đưa ra những thông tin gian dối không đúng sự thật về việc làm các thủ tục để đi du lịch ở nước ngoài tại các nước Malaysia, Thái Lan, Maldives và Dubai với mục đích làm đẹp đối với bị hại chị Ng, đồng thời cũng đưa ra thông tin gian dối có người thân ở Mỹ đối với bị hại chị Nh về việc gợi ý mua giúp cho Nh các vật dụng cho mẹ và bé như: máy hút sữa, máy hâm, máy tiệt trùng, thuốc bổ cho mẹ và bé, đồ dùng cho trẻ sơ sinh..., với những thông tin gian dối nói trên, trong khoảng thời gian từ ngày 02/5/2017 đến ngày 09/8/2017 các bị hại đã đưa tiền mặt và chuyển khoảng qua ngân hàng với tổng cộng 27 (hai mươi bảy lần) trong đó chị Ng 18 (mười tám) lần và chị Nh 09 (chín) lần với tổng số tiền chiếm đoạt 424.264.000 đồng (Bốn trăm hai mươi bốn triệu hai trăm sáu mươi bốn ngàn đồng) trong đó của chị Ng số tiền 347.264.000 đồng (Ba trăm bốn mươi bảy triệu hai trăm sáu mươi bốn ngàn đồng) và chị Nh 77.000.000 đồng (Bảy mươi bảy triệu đồng) sử dụng tiêu xài cho mục đích cá nhân.

[2] Xét thấy, tại thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) chưa có hiệu lực pháp luật thi hành, Do vậy, bị cáo thừa nhận các cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” với tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm a khoản 3 Điều 139 BLHS hình sự năm 1999 tại Bản án số 69/2024/HS-ST ngày 10/5/2024 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tuy nhiên, bị cáo cho rằng mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là quá nghiêm khắc, hiện tại hoàn cảnh gia đình khó khăn, đang nuôi 03 (ba) con nhỏ cần có sự chăm sóc nuôi dưỡng của người mẹ, bị cáo xin HĐXX cấp phúc thẩm xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo, cải tạo tại địa phương để có điều kiện làm ăn, chăm sóc nuôi các con ăn học.

[3] Xét nội dung kháng cáo của bị cáo Nguyễn Lữ Lâm U, HĐXX thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo là thuộc trường rất nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm

phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác luôn được pháp luật bảo vệ, đồng thời gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an xã hội tại địa phương, nên cần xử lý nghiêm nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Xét khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất vụ án, hành vi phạm tội, hậu quả của hành vi cũng như về nhân thân bị cáo, qua đó đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Lữ Lâm U 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù dưới mức khởi điểm của khung hình phạt bị truy tố, xét xử là có phần xem xét đến hoàn cảnh gia đình bị cáo.

Tại giai đoạn phúc thẩm, bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ nào mới. Do đó, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo giữ nguyên mức hình phạt của Bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[4] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Do kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận, nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự.

1.1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Lữ Lâm U, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

2. Căn cứ: Điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999; các điểm b, g khoản 1 Điều 52; các điểm b, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*).

2.1. **Xử phạt:** Bị cáo **Nguyễn Lữ Lâm U: 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng** tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt giam thi hành án.

3. Về án phí: Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Nguyễn Lữ Lâm U phải chịu 200.000đ (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Đà Nẵng;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- Vụ giám đốc kiểm tra 1;
- VKSND quận Hải Châu,
- Công an quận Hải Châu;
- PV27; PC81 Công an TP. Đà Nẵng;
- TAND quận Hải Châu;
- THA DS quận Hải Châu;
- Sở Tư pháp TPĐN;
- Bị cáo;
- Lưu: HS; HCTP.

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Vĩnh Chuyển

